

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ THỂ CHẾ

MAI QUANG HỢP

Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Email: hop.mai@eiu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/7/2026

Ngày sửa bài: 24/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích sự phát triển của kinh tế tư nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, sắp xếp lại không gian phát triển, chính quyền địa phương 2 cấp và triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Trên cơ sở tiếp cận kinh tế chính trị và kinh tế học thể chế, bài viết chỉ ra kết quả nổi bật của khu vực tư nhân, đồng thời nhận diện khoảng cách giữa sức mạnh thị trường và chất lượng điều hành, nhất là các điểm nghẽn về tiếp cận nguồn lực, tính nhất quán của thực thi và năng lực kiến tạo. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị cải cách thể chế, chuyển từ hỗ trợ hành chính sang kiến tạo môi trường phát triển minh bạch, ổn định và cạnh tranh.

Từ khóa: kinh tế tư nhân, chất lượng thể chế, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 68-NQ/TW

Private-sector development in Ho Chi Minh City in the new era: An institutional perspective

Abstract:

This study analyzes private-sector development in Ho Chi Minh City in the context of implementing Resolution No. 68-NQ/TW, reorganizing development space, operating the two-tier local government model, and implementing the Resolution of the 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam. Drawing on political economy and institutional economics, the study highlights notable achievements of the private sector while identifying a gap between market strength and governance quality, particularly bottlenecks in access to resources, consistency of policy implementation, and development-enabling capacity. On this basis, the study proposes institutional reforms aimed at shifting from administrative support toward creating a transparent, stable, and competitive environment for private-sector development.

Keywords: private sector, institutional quality, Ho Chi Minh City, Resolution No. 68-NQ/TW

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế tư nhân là một trong những nội dung thể hiện rõ sự vận động của tư duy lý luận và thực tiễn về nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ chỗ chủ yếu được nhìn nhận như một bộ phận tồn tại khách quan trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng được xác định là lực lượng có vai trò trực tiếp, hết sức quan trọng trong huy động nguồn lực xã hội, giải phóng sức sản xuất, tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đại hội XIII yêu cầu phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững, để khu vực này thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 240).

Bước chuyển mới được thể hiện tập trung trong Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị. Nghị quyết xác định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia”, đồng thời đặt phát triển khu vực này trong mối quan hệ trực tiếp với yêu cầu bảo đảm quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, tiếp cận nguồn lực và hoàn thiện chất lượng thể chế. Đáng chú ý, Nghị quyết không chỉ đề cập mục tiêu tăng số lượng doanh nghiệp mà nhấn mạnh phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao, gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh (Bộ Chính trị, 2025, Mục I.1-I.5; Mục II.1).

Đại hội XIV tiếp tục phát triển tư duy này khi đặt nhiệm vụ hoàn thiện thể chế phát triển ở vị trí đặc biệt quan trọng, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng, đồng thời tiếp tục xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế và gắn sự phát triển của khu vực này với lực lượng sản xuất mới, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, Mục II.4(1)-(2); II.5(3)). Như vậy, sự thay đổi về vị trí của kinh tế tư nhân kéo theo yêu cầu phải thay đổi tương ứng phương thức quản lý nhà nước, cụ thể từ tư duy quản lý, kiểm soát sang phục vụ, kiến tạo và bảo đảm các điều kiện thể chế để doanh nghiệp phát triển.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề này có ý nghĩa đặc biệt. Sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Thành phố trở thành một không gian kinh tế, đô thị có quy mô hơn 6.700 km², dân số khoảng 14 triệu người, kết hợp các lợi thế về tài chính, dịch vụ, công nghiệp, cảng biển, logistics, năng lượng và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố ghi nhận năm 2025 Thành phố tăng trưởng GRDP ước 8,03%, thành lập mới 59.750 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký và bổ sung hơn 2,067 triệu tỷ đồng; đồng thời chính văn bản này cũng thẳng thắn chỉ ra PCI, Par-Index và SIPAS còn thấp, liên kết chuỗi sản xuất còn hạn chế và việc thực hiện các đột phá chiến lược chưa đồng bộ (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025, tr. 2).

Những dữ liệu mới từ Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 càng làm rõ một vấn đề đáng nghiên cứu. Thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) với 5,67 điểm và đạt 4,33 doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trong đó có 23,75 doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân, đều cao nhất cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp trong mẫu điều tra tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nước ngoài đạt 7,7%, còn tỷ lệ có bộ phận R&D khoảng 10,6% (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam [VCCI], 2026, tr. 119). Trong khi đó, PCI 2025 chỉ xếp Thành phố trong nhóm chất lượng điều hành “Khá” (VCCI, 2026, tr. 109). Sự không hoàn toàn tương thích giữa đầu ra của khu vực tư nhân và chất lượng điều hành đặt ra câu hỏi phải chăng sức mạnh thị trường, quy mô đô thị và hệ sinh thái doanh nghiệp đang giúp khu vực tư nhân tạo kết quả cao hơn mức mà chất lượng thể chế hiện hành có thể giải thích đầy đủ, và nếu các điểm nghẽn thể chế được tháo gỡ, dư địa phát triển còn có thể lớn

hơn. Vì vậy, bài viết này tập trung 3 vấn đề: sự phát triển nhận thức và cơ sở lý luận về kinh tế tư nhân; kết quả triển khai chủ trương, chính sách và những điểm nghẽn thể chế tại Thành phố Hồ Chí Minh; và các hàm ý chính sách nhằm khai thác cơ hội thể chế mới.

2. Cơ sở lý luận, tổng quan và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kinh tế tư nhân dưới góc độ kinh tế chính trị

Dưới góc độ kinh tế chính trị, kinh tế tư nhân gắn trước hết với hình thức sở hữu tư nhân và quyền tự chủ của các chủ thể trong tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân không tồn tại biệt lập mà vận động trong quan hệ với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các khu vực kinh tế khác, đồng thời chịu sự điều tiết của thị trường, pháp luật và các thiết chế quản lý nhà nước. Do đó, đánh giá sự phát triển của khu vực tư nhân cần vượt ra ngoài chỉ tiêu số lượng doanh nghiệp để xem xét cả quy mô, năng suất, hiệu quả, mức độ chính thức hóa, năng lực đổi mới, sức chống chịu và khả năng tham gia chuỗi giá trị. Từ tiếp cận thể chế, North (1990, tr. 3) cho thấy, thể chế là “luật chơi” do con người thiết lập, định hình các tương tác và cấu trúc động cơ trong trao đổi kinh tế, chính trị và xã hội. Chi phí giao dịch phát sinh từ việc tìm kiếm thông tin, đo lường, bảo vệ quyền và giám sát thực thi thỏa thuận (North, 1990, tr. 27). Điều này đặc biệt phù hợp khi phân tích kinh tế tư nhân, bởi quyết định đầu tư dài hạn chịu ảnh hưởng trực tiếp của mức độ bảo đảm quyền tài sản, khả năng dự đoán chính sách, chi phí tuân thủ, hiệu lực thực thi hợp đồng và sự bình đẳng trong tiếp cận cơ hội.

Bằng chứng tại Việt Nam cũng cho thấy, thể chế địa phương có ý nghĩa đối với kết quả của doanh nghiệp. Tran et al. (2009, tr. 1, 11), sử dụng PCI 2006 và dữ liệu doanh nghiệp, kết luận thực hành quản trị tốt có ý nghĩa thống kê và kinh tế đối với sự khác biệt về hiệu quả doanh nghiệp, cải thiện thông tin thị trường, bảo đảm quyền sử dụng đất và hỗ trợ đào tạo lao động có tác động tích cực, trong khi hạn chế của hệ thống tư pháp và cải cách hành chính có thể cản trở doanh nghiệp ngoài nhà nước. Kết quả này gợi ý phát triển khu vực tư nhân không chỉ phụ thuộc vào nội lực doanh nghiệp mà còn phụ thuộc đáng kể vào chất lượng của môi trường thể chế mà doanh nghiệp đang hoạt động.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển nhận thức của Đảng về kinh tế tư nhân

Tư tưởng về việc phát huy các nguồn lực kinh tế ngoài khu vực nhà nước đã xuất hiện tương đối sớm trong tư duy kinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong Thường thức chính trị, khi phân tích cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ, Người thừa nhận sự tồn tại của kinh tế cá nhân và kinh tế tư bản tư nhân, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu tổ chức các quan hệ kinh tế theo hướng “công tư đều lợi”, “chủ thợ đều lợi”, “công nông giúp nhau”, “lưu thông trong ngoài” (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 266-267). Cách tiếp cận này cho thấy lợi ích của chủ thể tư nhân không bị phủ nhận, vấn đề là định hướng, điều hòa và kết nối lợi ích riêng với lợi ích chung của quốc gia và xã hội (Đỗ Phú Trần Tình và Nguyễn Văn Nền, 2025, tr. 46-50).

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng về kinh tế tư nhân ngày càng hoàn thiện theo hướng khẳng định rõ hơn vai trò của khu vực này trong phát triển lực lượng sản xuất. Đại hội XIII yêu cầu xóa bỏ rào cản và định kiến, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển và hình thành các tập đoàn tư nhân có tiềm lực, khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 240). Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025 tạo bước phát triển về chất khi không chỉ nâng vị trí của khu vực tư nhân mà còn xác định trách nhiệm của Nhà nước trong bảo vệ quyền, cải thiện thể chế, giảm cơ chế “xin - cho”, chuyển mạnh sang phục vụ và kiến tạo phát triển (Bộ Chính trị, 2025, Mục III.1; III.2.1). Tiếp đến, Đại hội XIV tiếp tục đặt phát triển kinh tế tư nhân vào cấu trúc của mô hình tăng trưởng mới, gắn với khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các phương thức sản xuất mới (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, Mục II.5(3)-(4)). Nếu khái quát quá trình này, có thể thấy sự phát triển tư duy theo hướng đó là thừa nhận sự tồn tại khách quan, khuyến khích phát triển, xác định là một động lực quan trọng, và hiện nay là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Sự thay đổi đó làm nảy sinh một yêu cầu mang tính thể chế: phương thức quản lý nhà nước đối với khu vực tư nhân phải thay đổi tương xứng với vai trò ngày càng lớn của khu vực này.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích văn kiện, phân tích chính sách, phương pháp lịch sử, logic và tổng hợp dữ liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu gồm: Văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội XIV, các văn bản triển khai của Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 486/NQ-HĐND, Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 của VCCI, và một số công trình nghiên cứu về thể chế và hoạt động doanh nghiệp.

Khung phân tích được tổ chức theo chuỗi: chủ trương và nhận thức, thiết kế thể chế, tổ chức thực hiện, kết quả của khu vực tư nhân, điểm nghẽn, hàm ý cải cách. Bài viết không nhằm xác lập quan hệ nhân quả bằng mô hình kinh tế lượng, mà tập trung giải thích về mặt kinh tế chính trị mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, doanh nghiệp và cơ chế phân bổ nguồn lực trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh bước vào không gian phát triển mới.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW và tích hợp vào chương trình phát triển Thành phố

Sau khi Nghị quyết 68-NQ/TW được ban hành, Thành phố Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa tương đối nhanh bằng Chương trình hành động số 02-CTrHĐ/TU ngày 16/8/2025 và Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 20/10/2025. Quyết định 2205/QĐ-UBND xác định rõ việc triển khai Chương trình hành động của Thành ủy, phân công trách nhiệm cho các sở, ban, ngành và chính quyền cơ sở (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025). Đây là bước quan trọng vì một chủ trương chỉ tạo tác động thực tế khi được chuyển thành nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và trách nhiệm thực thi cụ thể. Đáng chú ý, Nghị quyết số 486/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tiếp tục đưa thực hiện Nghị quyết 68 vào nhóm nhiệm vụ trọng tâm, với yêu cầu tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; tháo gỡ rào cản về đất đai, tín dụng, quy hoạch, thủ tục; xây dựng chính sách vượt trội hỗ trợ khu vực tư nhân tiếp cận nguồn lực; đồng thời cải thiện PCI, PGI và DDCI, cắt giảm thủ tục bất hợp lý và nâng cao chất lượng xây dựng chính sách của Thành phố (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025, tr. 5). Điều này cho thấy, phát triển khu vực tư nhân đã được đặt trong mối quan hệ với chất lượng thể chế chứ không còn chỉ là một nhóm chính sách hỗ trợ riêng lẻ.

Sau Đại hội XIV, Thành phố tiếp tục tích hợp nội dung này vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội. Chương trình hành động năm 2026 của Thành phố tiếp tục yêu cầu triển khai hiệu quả Chương trình số 02-CTrHĐ/TU, đồng thời gắn phát triển khu vực tư nhân với xây dựng mô hình quản trị vùng, hoàn thiện quy hoạch và các động lực mới của tăng trưởng (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2026). Sự tiếp nối này có ý nghĩa quan trọng về tính nhất quán chính sách, nhất là trong bối cảnh bộ máy và không gian quản trị của Thành phố vừa trải qua thay đổi lớn.

3.2. Những kết quả nổi bật của khu vực kinh tế tư nhân

Trước hết, quy mô và mật độ hoạt động kinh tế tư nhân tiếp tục thể hiện sức mạnh của Thành phố. Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ghi nhận năm 2025 có 59.750 doanh nghiệp được thành lập mới, tổng vốn đăng

ký và bổ sung hơn 2,067 triệu tỷ đồng (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025, tr. 2). Dù đây là số liệu tổng doanh nghiệp và chưa thể đồng nhất hoàn toàn với doanh nghiệp tư nhân trong nghĩa thống kê hẹp, nó phản ánh rõ mức độ năng động của môi trường kinh doanh và khả năng huy động vốn xã hội trên địa bàn.

Kết quả BPI 2025 cung cấp bằng chứng trực tiếp hơn. Thành phố Hồ Chí Minh đạt 5,67 điểm, đứng đầu 34 tỉnh, thành phố; chiều cạnh “Sự phát triển của khu vực tư nhân” đạt 5,19 điểm và “Đổi mới sáng tạo” đạt 6,15 điểm. Thành phố có 4,33 doanh nghiệp tư nhân thành lập mới và 23,75 doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân, đều là mức cao nhất cả nước. Đồng thời, 7,7% doanh nghiệp trong mẫu điều tra cho biết có tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nước ngoài và khoảng 10,6% có bộ phận R&D (VCCI, 2026, tr. 119). Những chỉ báo này cho thấy, khu vực tư nhân của Thành phố không chỉ lớn về số lượng mà còn có mức độ kết nối và đổi mới đáng kể. Mặt khác, việc Thành phố sau sáp nhập hội tụ trung tâm tài chính - dịch vụ, nền tảng công nghiệp, cảng biển, logistics và năng lượng mở ra khả năng tổ chức lại chuỗi giá trị trên một không gian rộng hơn. Có thể thấy, sự thay đổi địa giới không chỉ là thay đổi hành chính mà đồng thời làm biến đổi quy mô của thị trường, cấu trúc lực lượng sản xuất và nhu cầu phối hợp thể chế. Nếu được tổ chức tốt, không gian mới có thể giúp doanh nghiệp tư nhân giảm chi phí kết nối, mở rộng thị trường đầu vào - đầu ra và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị liên ngành. Đáng chú ý hơn, VCCI lưu ý BPI là chỉ số đầu ra, độc lập với PCI và sự cải thiện chất lượng điều hành có thể cần độ trễ mới chuyển thành kết quả của doanh nghiệp. Phân tích tương quan của VCCI cho thấy, mối liên hệ giữa PCI các năm trước và sự phát triển khu vực tư nhân năm 2025 rõ hơn so với tương quan cùng năm; điều này củng cố lập luận, cải thiện thể chế vẫn là điều kiện quan trọng nhưng tác động không diễn ra tức thời (VCCI, 2026, tr. 121-122).

3.3. Những hạn chế, tồn tại và điểm nghẽn thể chế

Thứ nhất, tồn tại khoảng cách giữa sức mạnh của khu vực tư nhân và chất lượng điều hành. Thành phố đứng đầu BPI nhưng PCI 2025 chỉ thuộc nhóm “Khá” (VCCI, 2026, tr. 109, 119). Không nên diễn giải chất lượng thể chế của Thành phố yếu, song sự chênh lệch này cho thấy quy mô thị trường, lịch sử tích tụ doanh nghiệp, vị trí địa kinh tế và hệ sinh thái dịch vụ, công nghiệp có thể đang hỗ trợ kết quả kinh doanh rất mạnh, trong khi chất lượng điều hành vẫn còn dư địa cải thiện. Chính Hội đồng nhân dân Thành phố cũng thừa nhận PCI, Par-Index và SIPAS còn thấp (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025, tr. 2).

Thứ hai, sau sáp nhập, hợp nhất hành chính chưa đồng nghĩa ngay với hình thành một không gian thể chế thống nhất. Các địa bàn trước đây có lịch sử quy hoạch, cơ cấu kinh tế, cách tổ chức cung ứng dịch vụ công và năng lực quản trị khác nhau. Nếu thủ tục, dữ liệu, cách giải thích quy định và phối hợp liên cơ quan không được hài hòa nhanh chóng, doanh nghiệp có thể phải chịu một dạng chi phí hợp nhất, cụ thể cùng một Thành phố nhưng trải nghiệm thể chế khác nhau theo địa bàn. Vì vậy, yêu cầu của Nghị quyết số 486/NQ-HĐND về kiến trúc lại không gian phát triển theo hướng đa cực, tích hợp, kết nối cần được hiểu không chỉ ở tầng hạ tầng mà cả ở tầng thể chế (Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025, tr. 3, 6).

Thứ ba, tiếp cận nguồn lực vẫn là điểm nghẽn cốt lõi. Nghị quyết 68 yêu cầu cạnh tranh bình đẳng trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực và dữ liệu, đồng thời loại bỏ cơ chế “xin - cho”, giảm rào cản hành chính và bảo đảm môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, dễ tuân thủ (Bộ Chính trị, 2025, Mục I.3-I.4; III.2.1). Đối với một đô thị có giá đất cao, nhu cầu vốn lớn và cạnh tranh mạnh về hạ tầng như Thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề không chỉ là có nguồn lực hay không mà còn là cơ chế phân bổ nguồn lực có minh bạch, có thể dự đoán và dựa trên quy tắc chung hay không. Đây là điều kiện để doanh nghiệp

nhỏ, doanh nghiệp mới và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có thể cạnh tranh với các chủ thể đã có ưu thế về quy mô hoặc quan hệ thị trường.

Thứ tư, khoảng cách giữa thiết kế chính sách và chất lượng thực thi vẫn đáng lưu ý. Tran, Grafton và Kompas (2009, tr. 11) từng chỉ ra khác biệt trong thực thi quy định của Trung ương giữa các địa phương là đặc điểm nổi bật của cải cách thể chế ở Việt Nam; thực hành quản trị và chất lượng thực thi ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của doanh nghiệp. Trong bối cảnh Thành phố có nhiều cơ chế đặc thù, vấn đề càng không nằm ở số lượng chính sách được ban hành mà ở việc doanh nghiệp có thực sự tiếp cận được chính sách với chi phí thấp, thủ tục nhất quán và thời gian hợp lý hay không.

Thứ năm, năng lực nội sinh và mức độ lớn lên của doanh nghiệp chưa hoàn toàn tương xứng với quy mô hệ sinh thái. BPI cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp có bộ phận R&D tại Thành phố khoảng 10,6% (VCCI, 2026, tr. 119). Mức này tích cực so với nhiều địa phương nhưng vẫn cho thấy phần lớn doanh nghiệp chưa hình thành năng lực nghiên cứu - phát triển chuyên biệt. Do đó, phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới không thể chỉ đo bằng số doanh nghiệp gia nhập thị trường mà cần chuyển trọng tâm sang khả năng tăng quy mô, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và tham gia các khâu có giá trị gia tăng cao hơn.

Từ những điểm trên, có thể khái quát điểm nghẽn trung tâm của Thành phố không phải thiếu chủ trương khuyến khích khu vực tư nhân, mà là chất lượng chuyển hóa chủ trương thành môi trường thể chế thực tế. VCCI cũng đề xuất trọng tâm cải cách cấp tỉnh cần chuyển từ giảm thiểu gánh nặng sang chủ động kiến tạo, trong đó các điểm còn phân hóa và điểm số thấp nằm ở chính quyền kiến tạo, cạnh tranh bình đẳng và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (VCCI, 2026, tr. 123). Đây là một gợi ý đặc biệt phù hợp với Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Một số giải pháp hoàn thiện thể chế

Trên cơ sở thực trạng phát triển kinh tế tư nhân của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua và một số hạn chế, tồn tại, điểm nghẽn về thể chế, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư nhân tại Thành phố trong bối cảnh không gian phát triển mới và kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

4.1. Chuyển từ hỗ trợ doanh nghiệp sang kiến tạo thể chế cho doanh nghiệp phát triển

Chính sách phát triển doanh nghiệp lâu nay thường nhấn mạnh các gói hỗ trợ, xúc tiến, đào tạo, tín dụng hoặc ưu đãi. Những công cụ này vẫn cần thiết, nhưng không thể thay thế một môi trường thể chế tốt. Nghị quyết 68 yêu cầu rõ chuyển từ nền hành chính quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm (Bộ Chính trị, 2025, Mục III.2.1). Vì vậy, Thành phố cần chuyển thước đo thực hiện Nghị quyết 68 từ số lượng chương trình và văn bản sang kết quả mà doanh nghiệp thực sự nhận được: thời gian xử lý, chi phí tuân thủ, mức độ minh bạch, khả năng tiếp cận nguồn lực, tính nhất quán của thực thi và mức độ hài lòng.

Việc VCCI khuyến nghị chuyển trọng tâm cải cách từ giảm gánh nặng sang chủ động kiến tạo (VCCI, 2026, tr. 123) có thể được xem là cơ sở trực tiếp cho thay đổi này. Một chính quyền kiến tạo không chỉ xử lý thủ tục nhanh mà còn chủ động phát hiện và tháo gỡ rào cản thị trường, tạo điều kiện cho các mô hình kinh doanh mới và bảo đảm sân chơi minh bạch, công bằng.

4.2. Xây dựng một không gian thể chế thống nhất sau sáp nhập

Thành phố cần rà soát đồng bộ các quy trình liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, dữ liệu và dịch vụ công tại ba địa bàn trước hợp nhất để loại bỏ khác biệt không cần thiết. Mục tiêu phải là

doanh nghiệp hoạt động trong một Thành phố với một chuẩn dịch vụ, một logic quy trình và một hệ thống dữ liệu có khả năng liên thông. Trên nền tảng đó, cần đẩy mạnh nguyên tắc “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng”, không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin mà cơ quan nhà nước đã có, đồng thời công khai hóa dữ liệu quy hoạch, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và tiến độ xử lý. hài hòa thể chế như vậy vừa giảm chi phí giao dịch, vừa làm giảm bất định, đúng với cơ chế mà North (1990, tr. 3, 27) nhấn mạnh về vai trò của thể chế trong cấu trúc động cơ và chi phí trao đổi.

4.3. Mở rộng không gian đầu tư tư nhân trên cơ sở cạnh tranh

Những lĩnh vực như hạ tầng đô thị, logistics, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính, chính trang đô thị, công nghệ, năng lượng và các mô hình đô thị mới có khả năng thu hút nguồn lực tư nhân rất lớn. Thành phố cần ưu tiên thiết kế cơ chế lựa chọn nhà đầu tư theo tiêu chí công khai, cạnh tranh, đo được và có cơ chế giám sát thực hiện. Điều này đặc biệt quan trọng vì phân quyền càng mạnh thì yêu cầu trách nhiệm giải trình càng cao. Vì vậy, đổi mới thể chế cần đi đồng thời theo hai chiều: tăng quyền chủ động cho Thành phố và tăng công khai, giám sát, đánh giá đầu ra của cơ quan thực thi.

4.4. Cải thiện quyền tiếp cận các nguồn lực mới, nhất là dữ liệu và hạ tầng đổi mới

Trong mô hình tăng trưởng mới, dữ liệu, công nghệ và tài sản trí tuệ ngày càng trở thành những nguồn lực sản xuất quan trọng. Nghị quyết 68 đặt dữ liệu bên cạnh vốn, đất đai, công nghệ và nhân lực trong nhóm nguồn lực mà kinh tế tư nhân phải được tiếp cận bình đẳng (Bộ Chính trị, 2025, Mục I.3). Do đó, Thành phố cần coi hạ tầng dữ liệu công là một cấu phần của môi trường kinh doanh. Ưu tiên trước mắt là mở rộng các bộ dữ liệu có giá trị kinh tế về quy hoạch, giao thông, logistics, thị trường lao động, môi trường và dịch vụ đô thị theo nguyên tắc mở có kiểm soát, bảo đảm an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nhà nước không cần trực tiếp tạo ra mọi dịch vụ số; vai trò phù hợp hơn là thiết lập tiêu chuẩn, hạ tầng và dữ liệu để doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

4.5. Tạo cơ chế tốt cho doanh nghiệp tư nhân

Kết quả BPI cho thấy, Thành phố có mật độ doanh nghiệp và năng lực đổi mới khá cao, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp có R&D chuyên biệt vẫn còn hạn chế (VCCI, 2026, tr. 119). Vì vậy, mục tiêu giai đoạn tới cần chuyển từ gia tăng số lượng doanh nghiệp sang xây dựng một phổ doanh nghiệp có khả năng tăng quy mô: từ khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đến doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và tập đoàn tư nhân có khả năng cạnh tranh quốc tế. Chính sách nên tập trung vào kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp FDI, khu công nghệ cao và thị trường vốn; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các dự án lớn bằng tiêu chí năng lực minh bạch. Cách tiếp cận này vừa phù hợp với yêu cầu của Đại hội XIV về phát triển lực lượng sản xuất mới (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, Mục II.5(3)-(4)), vừa làm sâu sắc hơn vai trò của kinh tế tư nhân trong cơ cấu kinh tế Thành phố.

4.6. Thiết lập cơ chế đo lường chất lượng thể chế gắn với kết quả doanh nghiệp

PCI, BPI và DDCI là những công cụ hữu ích nhưng Thành phố có thể tiến thêm một bước bằng việc xây dựng hệ thống giám sát thực hiện Nghị quyết 68 theo 3 tầng: chất lượng thiết kế chính sách - chất lượng thực thi - kết quả của doanh nghiệp. Ở tầng thiết kế, đo tính minh bạch, khả năng dự đoán và mức độ nhất quán; ở tầng thực thi, đo thời gian, chi phí và khả năng phối hợp; ở tầng kết quả, theo dõi đầu tư, năng suất, đổi mới, tỷ lệ doanh nghiệp lớn lên và mức độ tham gia chuỗi giá trị. Cách đo lường này giúp khắc phục tình trạng đánh giá cải cách bằng số lượng thủ tục hoặc số văn bản. Đồng thời, phù hợp với kết quả của VCCI khi chất lượng điều hành có độ trễ và cần được nhìn trong mối liên hệ với kết quả của khu vực tư nhân qua thời gian (VCCI, 2026, tr. 121-122).

5. Kết luận

Phát triển kinh tế tư nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh đang diễn ra trong một thời điểm có tính bước ngoặt. Nghị quyết số 68-NQ/TW tạo bước chuyển về nhận thức và chính sách; Đại hội XIV tiếp tục xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất và đặt thể chế kinh tế vào vị trí trọng tâm; việc sắp xếp lại không gian hành chính mở rộng đáng kể quy mô thị trường và cấu trúc lực lượng sản xuất; tạo thêm không gian phân quyền và huy động nguồn lực.

Kết quả năm 2025 và BPI cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân Thành phố có nền tảng mạnh, mật độ doanh nghiệp cao, mức độ đổi mới và kết nối chuỗi cung ứng nổi bật. Tuy nhiên, chính sự phát triển mạnh này càng làm rõ yêu cầu phải nâng chất lượng thể chế tương xứng. Điểm nghẽn không còn chủ yếu là thiếu chủ trương khuyến khích, mà nằm ở chất lượng thực thi, khả năng tiếp cận nguồn lực, tính thống nhất sau sáp nhập, năng lực kiến tạo và trách nhiệm giải trình.

Nếu quyền chủ động mới được gắn với minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, dữ liệu mở, chi phí tuân thủ thấp và cơ chế đo lường kết quả thực chất, Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng chuyển từ lợi thế của một thị trường lớn sang lợi thế của một môi trường thể chế chất lượng cao - điều kiện quan trọng để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực phát triển trong kỷ nguyên mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân. <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-102250505122337909.htm>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngày 23/01/2026. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/upload/2006988/fck/phuongdt/nq_Daihoi14_\(CT\).pdf](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/upload/2006988/fck/phuongdt/nq_Daihoi14_(CT).pdf)
- Đỗ Phú Trần Tình và Nguyễn Văn Nền (Đồng chủ biên). (2025). Kinh tế tư nhân tại Việt Nam: Hiện trạng và định hướng phát triển. Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hồ Chí Minh. (2011). Hồ Chí Minh Toàn tập (Tập 8). Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Nghị quyết số 486/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). (2026). Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025. <https://api.vcci.com.vn/storage/filesvcci/6a06e39373a14.pdf>
- Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. (2026). Chương trình hành động số 15-CTrHĐ/TU ngày 30/3/2026 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. <https://www.hcmcpv.org.vn/van-ban/chuong-trinh-hanh-dong/chuong-trinh-hanh-dong-so-15-ctrhd-tu-ngay-30-thang-3-nam-2026-cua-thanh-uy-thanh-pho-ho-chi-minh-ve-1491379188>
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 02-CTrHĐ/TU ngày 16/8/2025 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- North, D. C. (1990). Institutions, institutional change and economic performance. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>
- Tran, T. B., Grafton, R. Q., & Kompas, T. (2009). Institutions matter: The case of Vietnam. The Journal of Socio-Economics, 38(1), 1-12. <https://doi.org/10.1016/j.socrec.2008.05.012>